

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 513 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 7 - 2019

V/v **Tranh chấp ly hôn**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn;**

Các hội thẩm nhân dân:

+ Ông: **Lê Văn Minh;**

+ Ông : **Tạ Công Minh;**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 408/2019/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 về việc: “trông chấp ly hôn”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2019/QĐST-HN ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trương Thị T**, sinh năm 1967; Nơi cư trú: ấp BTAB, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Thái Văn Đ**, sinh năm 1965; Nơi cư trú: ấp BTAB, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Nguyên đơn, Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2019, Tờ tự khai nguyên đơn Trương Thị T trình bày:**

Bà và ông Thái Văn Đ sống chung với nhau năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Trung vào năm 2009. Từ khi kết hôn, ông bà sống

hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ không chung thủy, thường xuyên uống rượu say, không lo làm ăn. Vợ chồng thường xuyên cự cãi về chuyện tiền bạc, tình cảm... dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng nên bà không thể sống chung với ông Đ được nữa.

Ông Đ bỏ về nhà mẹ ruột sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng với bà từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Thời gian ly thân đã lâu, bà thấy ông Đ không sửa chữa tính tình nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Đ được; Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không hòa thuận được. Bà thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Bà yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Thái Văn Đ.

- Về con chung: bà và ông Đ có hai con chung là Thái Hữu P sinh năm 1985 và Thái Thị Ngọc H sinh năm 1987. Hiện hai người đã thành niên và có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

- Tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

*** Theo Tờ tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Thái Văn Đ trình bày:**

Ông và bà T sống chung với nhau năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Trung vào năm 2009. Ông và bà có hai con chung là Thái Hữu P sinh năm 1985 và Thái Thị Ngọc H sinh năm 1987.

Trong thời gian sống chung, ông và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân do ông đi làm quan hệ bạn bè nên thường xuyên uống rượu say, không quan tâm lo lắng vợ con nên bà T không đồng ý, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên ông đã bỏ về nhà mẹ ruột sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng với bà T từ tháng 12/2017 cho đến nay. Ông thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Ông có ý kiến đối với yêu cầu của bà Trương Thị T như sau:

- Về hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà Trương Thị T;

- Về con chung: Các con đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Thái Văn Đ đã được Tòa án Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập họp lệ nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho ông và đoàn tụ nhưng ông Đ vắng mặt không tham gia hòa giải, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trương Thị T yêu cầu ly hôn với ông Thái Văn Đ. Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp chấp ly hôn theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228, 238 BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Trương Thị T và ông Thái Văn Đ sống chung, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét lời khai bà Trương Thị T về nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung được ông Thái Văn Đ thừa nhận. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét quá trình sống chung: ông bà thừa nhận sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn trầm trọng. Cả hai cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và đã cắt đứt quan hệ hơn 01 năm. Tòa án tổ chức hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng ông Đ không tham gia hòa giải, không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ và có ý kiến đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa bà T và ông Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị T.

[4] Về con chung: Các con của ông Đ, bà T đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Trương Thị T phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 92, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình ;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị T.

- **Về hôn nhân:** Cho bà Trương Thị T ly hôn với ông Thái Văn Đ.

- **Về nuôi con chung:** không xem xét.

- **Tài sản chung:** không xem xét.

- **Về nợ chung:** Không xem xét.

- **Về án phí:** Bà Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Trương Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0009859 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TG
- VKSND.huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS. huyện châu Thành;
- UBND xã Bình Trung;
- Các Đ/S
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thanh Nhàn